



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

SWC-029520MT

03/06/2020

### I. THÔNG TIN MẪU

1. Tên khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA.
2. Địa chỉ: 95 Phạm Hữu Chí, P.12, Q.5, Tp. Hồ Chí Minh.
3. Tên mẫu: Mẫu nước.  
Thử nghiệm định kỳ của mạng lưới cấp nước (Tần suất A).
4. Tình trạng mẫu: Mẫu được đựng trong bình 2L, không mùi, không vị lạ.
5. Số lượng mẫu: 10
6. Ngày nhận mẫu: 27/05/2020
7. Thời gian thử nghiệm:\* 27/05/2020 đến 01/06/2020
8. Loại mẫu: : Nước ăn uống, sinh hoạt.
9. Kết quả TN: : Xem trang sau.
10. Ghi chú: Danh sách mẫu xem trang cuối.

\* Thời gian thử nghiệm trên chưa bao gồm thời gian gửi mẫu hợp đồng phụ thử nghiệm.

**PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Diệp Thị Hoàng Hà**



**Bùi Thanh Giang**

Lưu ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến;
2. Không được trích sao 1 phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của SAWACO;
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
4. Thời gian lưu mẫu: 5 ngày từ ngày trả kết quả;
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với  $k=2$ , mức tin cậy 95%. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ sau để biết thêm thông tin:
  - Phòng Quản lý Chất lượng nước: Số 2 Lê Văn Chí, phường Linh Trung, Quận Thủ Đức.
  - Email: sawaco qlcln@gmail.com
  - ĐT: (08) 37228357 hoặc (08) 37225927 hoặc (08) 37228495.

# PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

SWC-029520MT (1-2)



VILAS 1007

03/06/2020

## II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Quy chuẩn 01:2009/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-029520MT/2019	SWC-029520MT/2020
1	Độ màu	Pt-Co	Hach method 8025	-	≤ 15	1	3
2	Mùi	-	Cảm quan	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2017	0.04 NTU	≤ 2	1.00	0.45
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	-	6.5 - 8.5	7.6	7.6
5	Độ cứng (*)	mg/L	SMEWW 2340C:2017	1.45 mg/L	≤ 300	30.00	39.00
6	Clorua (*)	mgCl-/L	SMEWW 4500Cl-B.2017	1.0 mg/L	250 - 300	8.00	22.25
7	Sắt (*)	mg/L	Hach method 8008	0.011mg/L	≤ 0.3	<0.04	0.04
8	Mangan (*)	mg/L	Hach method 8149	0.01 mg/L	≤ 0.3	KPH	<0.05
9	Nitrat (NO <sub>3</sub> -N)	mgN <sub>-</sub> NO <sub>3</sub> /L	Hach method 8171	-	≤ 50	0.6	0.8
10	Nitrit (NO <sub>2</sub> -N)	mgN <sub>-</sub> NO <sub>2</sub> /L	Hach method 8507	-	≤ 3	0.003	0.003
11	Sunphat (*)	mg/L	Hach method 8051	1.44 mg/L	≤ 250	<10	12
12	Chỉ số Pecmanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	-	≤ 2	0.4	0.4
13	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	0	KPH	KPH
14	E. Coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	0	KPH	KPH
15	Clo dư	mg/L	Đo tại hiện trường	-	0.3 - 0.5	0.5	0.45

7/5

# PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

SWC-029520MT (3-4)



03/06/2020

VILAS 1007

## II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Quy chuẩn 01:2009/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-029520MT/2021	SWC-029520MT/2022
1	Độ màu	Pt-Co	Hach method 8025	-	≤ 15	3	4
2	Mùi	-	Cảm quan	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2017	0.04 NTU	≤ 2	0.30	0.35
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	-	6.5 - 8.5	7.5	7.5
5	Độ cứng (*)	mg/L	SMEWW 2340C:2017	1.45 mg/L	≤ 300	64.00	63.00
6	Clorua (*)	mgCl-/L	SMEWW 4500Cl-B.2017	1.0 mg/L	250 - 300	65.00	62.50
7	Sắt (*)	mg/L	Hach method 8008	0.011mg/L	≤ 0.3	<0.04	0.07
8	Mangan (*)	mg/L	Hach method 8149	0.01 mg/L	≤ 0.3	KPH	KPH
9	Nitrat (NO <sub>3</sub> -N)	mgN_NO <sub>3</sub> /L	Hach method 8171	-	≤ 50	0.7	0.5
10	Nitrit (NO <sub>2</sub> -N)	mgN_NO <sub>2</sub> /L	Hach method 8507	-	≤ 3	0.004	0.003
11	Sunphat (*)	mg/L	Hach method 8051	1.44 mg/L	≤ 250	32	26
12	Chỉ số Pecmanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	-	≤ 2	1.0	1.0
13	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	0	KPH	KPH
14	E. Coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	0	KPH	KPH
15	Clo dư	mg/L	Đo tại hiện trường	-	0.3 - 0.5	0.6	0.40

*Handwritten signature*

# PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

SWC-029520MT (5-6)



03/06/2020

## II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Quy chuẩn 01:2009/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-029520MT/2023	SWC-029520MT/2024
1	Độ màu	Pt-Co	Hach method 8025	-	≤ 15	0	0
2	Mùi	-	Cảm quan	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2017	0.04 NTU	≤ 2	<0.25	0.25
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	-	6.5 - 8.5	7.7	7.7
5	Độ cứng (*)	mg/L	SMEWW 2340C:2017	1.45 mg/L	≤ 300	30.00	30.00
6	Clorua (*)	mgCl-/L	SMEWW 4500Cl-B.2017	1.0 mg/L	250 - 300	8.00	7.75
7	Sắt (*)	mg/L	Hach method 8008	0.011mg/L	≤ 0.3	<0.04	<0.04
8	Mangan (*)	mg/L	Hach method 8149	0.01 mg/L	≤ 0.3	KPH	KPH
9	Nitrat (NO <sub>3</sub> -N)	mgN_NO <sub>3</sub> /L	Hach method 8171	-	≤ 50	0.4	0.4
10	Nitrit (NO <sub>2</sub> -N)	mgN_NO <sub>2</sub> /L	Hach method 8507	-	≤ 3	0.003	0.002
11	Sunphat (*)	mg/L	Hach method 8051	1.44 mg/L	≤ 250	11	<10
12	Chỉ số Pecmanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	-	≤ 2	0.4	0.3
13	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	0	KPH	KPH
14	E. Coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	0	KPH	KPH
15	Clo dư	mg/L	Đo tại hiện trường	-	0.3 - 0.5	0.50	0.4

*Handwritten signature*

# PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

SWC-029520MT (7-8)



03/06/2020

## II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Quy chuẩn 01:2009/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-029520MT/2025	SWC-029520MT/2026
1	Độ màu	Pt-Co	Hach method 8025	-	≤ 15	0	2
2	Mùi	-	Cảm quan	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2017	0.04 NTU	≤ 2	<0.25	0.25
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	-	6.5 - 8.5	7.7	7.5
5	Độ cứng (*)	mg/L	SMEWW 2340C:2017	1.45 mg/L	≤ 300	30.00	60.00
6	Clorua (*)	mgCl-/L	SMEWW 4500Cl-B.2017	1.0 mg/L	250 - 300	8.00	51.25
7	Sắt (*)	mg/L	Hach method 8008	0.011mg/L	≤ 0.3	0.09	<0.04
8	Mangan (*)	mg/L	Hach method 8149	0.01 mg/L	≤ 0.3	KPH	<0.05
9	Nitrat (NO <sub>3</sub> -N)	mgN_NO <sub>3</sub> /L	Hach method 8171	-	≤ 50	0.6	0.6
10	Nitrit (NO <sub>2</sub> -N)	mgN_NO <sub>2</sub> /L	Hach method 8507	-	≤ 3	0.002	0.003
11	Sunphat (*)	mg/L	Hach method 8051	1.44 mg/L	≤ 250	<10	32
12	Chỉ số Pecmanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	-	≤ 2	0.3	1.0
13	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	0	KPH	KPH
14	E. Coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	0	KPH	KPH
15	Clo dư	mg/L	Đo tại hiện trường	-	0.3 - 0.5	0.45	0.5

*plc*

# PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

SWC-029520MT (9-10)



03/06/2020

## II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Quy chuẩn 01:2009/BYT	Kết quả thử nghiệm	
						SWC-029520MT/2027	SWC-029520MT/2028
1	Độ màu	Pt-Co	Hach method 8025	-	≤ 15	2	6
2	Mùi	-	Cảm quan	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2017	0.04 NTU	≤ 2	0.30	0.45
4	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	-	6.5 - 8.5	7.6	7.7
5	Độ cứng (*)	mg/L	SMEWW 2340C-2017	1.45 mg/L	≤ 300	60.00	54.00
6	Clorua (*)	mgCl-/L	SMEWW 4500Cl-B.2017	1.0 mg/L	250 - 300	51.50	34.25
7	Sắt (*)	mg/L	Hach method 8008	0.011mg/L	≤ 0.3	<0.04	<0.04
8	Mangan (*)	mg/L	Hach method 8149	0.01 mg/L	≤ 0.3	KPH	<0.05
9	Nitrat (NO <sub>3</sub> -N)	mgN_NO <sub>3</sub> /L	Hach method 8171	-	≤ 50	0.5	0.5
10	Nitrit (NO <sub>2</sub> -N)	mgN_NO <sub>2</sub> /L	Hach method 8507	-	≤ 3	0.003	0.004
11	Sunphat (*)	mg/L	Hach method 8051	1.44 mg/L	≤ 250	32	31
12	Chỉ số Pecmanganate	mg/L	TCVN 6186:1996	-	≤ 2	1.0	1.0
13	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	0	KPH	KPH
14	E. Coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2009 (NEW ISO 9308-1:2014)	-	0	KPH	KPH
15	Clo dư	mg/L	Đo tại hiện trường	-	0.3 - 0.5	0.60	0.60

*yls*

# PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

SWC-029520MT



VILAS 1007

03/06/2020

## III. DANH SÁCH MẪU THỬ NGHIỆM

STT	MSM	Địa chỉ	Ghi chú
1	SWC-029520MT/2019	: 333/6 Lê Văn Sỹ, P. 1, Q. Tân Bình.	
2	SWC-029520MT/2020	: 458 CMT8, P.4, Q. Tân Bình;	
3	SWC-029520MT/2021	: 137 Bành Văn Trân, P.7, Q. Tân Bình;	
4	SWC-029520MT/2022	: 20 Cộng Hòa, P.12, Q. Tân Bình.	
5	SWC-029520MT/2023	: 33 Phan Huy Ích, P.15, Q. Tân Bình;	
6	SWC-029520MT/2024	: 36 Bờ bao Tân Thắng, P. Sơn Kỳ, Q. Tân Phú.	- KPH : không phát hiện;
7	SWC-029520MT/2025	: 295 Tân Kỳ Tân Quý, P. Tân Quy, Q. Tân Phú;	(*): Chỉ tiêu được công nhận ISO 17025;
8	SWC-029520MT/2026	: 467 Lũy Bán Bích, P. Hiệp Tân, Q. Tân Phú.	
9	SWC-029520MT/2027	: 22 Phú Thọ Hòa, P. Phú Thọ Hòa, Q. Tân Phú;	
10	SWC-029520MT/2028	: 149/23 Lý Thánh Tông, P. Tân Thới Hòa, Q. Tân Phú.	

*Handwritten signature*